

Trường Fountain Valley quyết tâm giúp các học sinh tăng trưởng và phát triển tối đa qua các nỗ lực cố gắng của các nhân viên tâm huyết cùng với các phụ huynh và cộng đồng. Các học sinh của chúng ta sẽ trở thành các người có suy nghĩ có phần nổi bật, truyên tài giỏi, tốt nghiệp, và là các thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng.

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Các phụ huynh tham gia ở trường Fountain Valley bằng nhiều cách. Mỗi nhóm thể thao đều có một tổ chức ủng hộ. Tổ chức PTSA hỗ trợ các chương trình khen thưởng và các học bổng; PTSA có hơn 700 thành viên bao gồm phụ huynh, học sinh và nhân viên. Tổ chức của trường Fountain Valley (Fountain Valley Foundation) khen thưởng thành tích học vấn của học sinh và tặng trợ cấp tài chính để ủng hộ các chương trình giáo dục. Phụ huynh ở trường này cũng vui vẻ hỗ trợ các hoạt động có giá trị học khu cho các Học sinh Học tiếng Anh. Hoạt động của Trường giúp các chương trình và thông qua các chi phí thuốc các quỹ nghiên cứu. Sau hết, chương trình Tình nguyện viên ở trường Trường Công phụ giúp các học sinh ghi danh và hỗ trợ nhiều chương trình ở trường.

Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Lớp 9	823
Lớp 10	833
Lớp 11	815
Lớp 12	769
Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	5
Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia	3245

Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Mỹ gốc Phi Châu	1.26%
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	5.73%
Người Á châu	37.16%
Người Phi luật tân	1.48%
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	11.83%
Người đảo Thái bình dương	0.99%
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	41.26%
Nhiều Câu Trả Lời hoặc Không Trả Lời	0.28%
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	10.00%
Những Người Học Tiếng Anh	5.00%
Học Sinh Khuyết Tật	7.00%

Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bò Sĩ Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2006-07				2007-08				2008-09			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	32.5	12	14	70	32.6	10	19	69	32.1	9	29	64
Toán	30.9	18	17	57	31.3	14	23	58	31.4	12	30	55
Khoa Học	34.6	4	8	58	34.2	3	12	53	34.3	1	19	53
Khoa Học Xã Hội	33.0	7	13	55	33.4	5	16	57	34.8	2	13	61

III. Môi Trường Nhà Trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Sống an toàn là ưu tiên của chúng tôi. Não của bạn một kế hoạch an toàn toàn diện. Nhiều sự tập dượt phòng tránh thực hiện trong suốt mỗi năm học để đảm bảo mọi tình huống xảy ra (như hỏa hoạn, bão, v.v...). Nhân viên an ninh giảm sút toàn khu vực trường suốt ngày. Các người nên thêm một yêu cầu ghi danh ô vaên phòng khi vắng nhà. Các học sinh nên thêm một hướng dẫn về các quan tâm cho sự an toàn. Nhân viên sẽ phân tích các kết quả thêm vào theo nhu cầu của nhà trường. Trường Fountain Valley duy trì các chính sách kỹ thuật phòng ngừa. Thái độ phải rõ ràng và hay nguy hiểm sẽ được báo cáo nhanh chóng nhằm duy trì một môi trường an toàn và thoải mái cho học sinh và nhân viên.

Đình Chỉ Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường hợp chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Đình Chỉ Học Tập	8.4	3.7	5.2	10.8	10.1	8.6
Đuổi Học	0.1	0.0	0.0	0.1	0.1	0.3

IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Trường hiện có một cơ sở vónh viễn để thay thế 12 nhà di động qua cửa sổ và để sửa chữa phòng học sinh và phòng năm học 2006-2007.

Trường này nằm trên 55 mẫu đất. Có 101 lớp học và phòng thí nghiệm khoa học, một trung tâm truyền thông, và 3 phòng liên hoàn. Phòng thể dục được dựng lên để phục vụ cho thể thao. Trong khi nhiều lớp học tiêu chuẩn, thì có một số nơi để giảng dạy các chương trình đặc biệt (thí dụ: nghệ thuật, nấu ăn, nhiếp ảnh, luyện giọng và nhạc cụ, mùa, và kịch); các nơi này được thiết kế nhằm hỗ trợ các nhu cầu khác nhau. Các lớp học hiện có internet. Trên 80% các lớp học được trang bị một máy chiếu hình LCD treo trên trần nhà, một màn hình lớn và hệ thống âm thanh hội trường.

Nếu hoàn tất một tòa nhà vónh viễn để thay thế 12 căn di động qua cửa sổ và để sửa chữa phòng năm học 2006-2007.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Kiểm Tra Hệ Thống	Tình Trạng Sửa Chữa				Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Biện Pháp Thực Hiện Đã và Sẽ Được Áp Dụng
	Giương Mẫ	Tốt	Được	Tồi	
Hệ Thống: Rò Rĩ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cổng	[X]	[]	[]	[]	
Bên trong: Các Bề Mặt Bên Trong	[X]	[]	[]	[]	
Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	[]	[X]	[]	[]	
Điện: Điện	[]	[X]	[]	[]	
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	[]	[X]	[]	[]	
Sự an Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	[]	[X]	[]	[]	
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	[X]	[]	[]	[]	Tân trang nhà hoàn tất
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	[]	[X]	[]	[]	
Xếp Hạng Tổng Quát	[]	[X]	[]	[]	

V. Giáo Viên

Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bằng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2006-07	2007-08	2008-09	2008-09
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	113	112	122	655
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	3	4	0	1
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	7	8	2	không áp dụng

Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép.

Yếu Tố Chỉ Báo	2007-08	2008-09	2009-10
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	26	11	0
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	36	17	không áp dụng
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Các Lớp Học Chính Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind) Giảng Dạy (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về số phần trăm lớp học về các môn học chính do các giáo viên tuân theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) và không tuân theo đạo luật NCLB ở trường, tại tất cả các trường trong khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao trong khu học chánh, và tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp trong khu học chánh giảng dạy. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được xác định là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 75 phần trăm trở lên trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 25 phần trăm trở xuống trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Quý vị có thể tìm hiểu về năng lực trình độ của các giáo viên theo yêu cầu của đạo luật NCLB trên Trang Mạng Điện Toán về việc Cải Tiến Chất Lượng Giáo Viên và Hiệu Trường của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy	Do Các Giáo Viên Không Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy
Trường Đây	91.0	9.0
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	88.7	11.3
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh		
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	89.5	10.5

VI. Nhân Viên Trợ Giúp

Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	1.0	3245
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện)		không áp dụng
Tâm Lý Gia	2.5	không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá	1.0	không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1.6	không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)		không áp dụng
Nhân Viên Khác	1.0	

VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phẩm chất, tình trạng lưu hành, và tình trạng có sẵn các loại sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường, và thông tin về việc trường sử dụng bất kỳ chương trình học thêm nào hoặc sách giáo khoa hoặc các tài liệu giảng dạy chưa được áp dụng.

Cauc tạoi lieäu giaùng daïy vaø saùch hoïc ñoïc duøng ôu hoïc khu laø hieän haønh vaø coù phaåm chaát cao. Tröôùc khi caùc saùch ñoïc mua thì chuùng phaûi ñoïc ñaùng giaù kyø caøng böôù caùc giaùo vieân, vieân chöùc ñieàu haønh, vaø caùc ñieàu hoïp vieân giaùo trình, vaø ñoïc cho coàng ñoàng vaø Ban quañ trò duyeät qua. Saùch vaø taøi lieäu giaùng huaán ñoïc thay theá khi caàn nhaèm baøu ñaùm raøng hoïc sinh ñoïc duøng caùc taøi lieäu giaùng huaán hieän haønh. Vieäc söù duïng hoäu hieäu kyø thuaät giaùng huaán cuøng ñoïc nhaän maïnh vôùi vieäc giaùng huaán duøng ñieän toaùn trong caùc chöông trình hoïc vaán, thöông maõi, vaø kyø thuaät.

Phần Chính Trong Chương Trình Học	Phẩm Chất, Tình Trạng Lưu Hành, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy	Số Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Giáo Khoa Riêng và/hoặc Các Tài Liệu Giảng Dạy
Tập Đọc/Văn Khoa	Xem bên trên	0.0%
Toán	Xem bên trên	0.0%
Khoa Học	Xem bên trên	0.0%
Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội	Xem bên trên	0.0%
Ngoại Ngữ	Xem bên trên	0.0%
Sức Khỏe	Xem bên trên	0.0%
Dụng Cụ Trong Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới 12)	Xem bên trên	0.0%
Nghệ Thuật Nhìn và Trình Diễn	Xem bên trên	0.0%

VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2007-08)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trội/Giới Hạn)	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	không áp dụng	không áp dụng	\$8,287	\$76,735
Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	\$8,287	\$76,735
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	0%	0%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	\$8,594	\$65,808
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	3.7%	16.6%

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Văn Khoa Anh Ngữ	65	71	75	54	59	61	43	46	50
Toán	47	50	56	33	35	41	40	43	46
Khoa Học	68	71	79	50	58	63	38	46	50
Lịch Sử Xã Hội Học	58	63	71	44	51	58	33	36	41

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Người Mỹ gốc Phi Châu	79	46	*	78
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	72	45	76	66
Người Á châu	85	74	87	82
Người Phi luật tân	81	46	*	83
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	58	37	61	53
Người đảo Thái bình dương	57	33	*	77
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	71	46	77	65
Nam	71	56	79	72
Nữ	79	55	78	69
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Khó Khăn	70	59	72	69
Những Người Học Tiếng Anh	24	32	41	32
Học Sinh Khuyết Tật	32	20	30	24
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân				

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (California High Trường Exit Examination - CAHSEE) chủ yếu được dùng làm yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, nhưng kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được dùng để thiết lập số phần trăm học sinh ở ba mức độ thành thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc xuất sắc) về ELA và toán để tính toán xác định chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) quy định cho các trường trung học, theo yêu cầu của Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California cho Tất Cả Các Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Anh Ngữ - Văn Khoa	76.1	77.0	79.7	63.5	66.6	69.1	48.6	52.9	52.0
Toán	79.9	77.6	82.0	64.0	65.2	69.2	49.9	51.3	53.3

Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California của các Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Học Sinh	20.4	30.4	49.2	18.0	38.5	43.4
Nam	26.9	32.9	40.2	18.0	40.1	41.9
Nữ	14.4	28.1	57.5	18.1	37.1	44.8
Người Mỹ gốc Phi Châu	*	*	*	*	*	*
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	20.6	29.4	50.0	23.5	44.1	32.4
Người Á châu	14.8	30.0	55.1	6.4	31.4	62.2
Người Phi luật tân	*	*	*	*	*	*
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	37.4	25.3	37.4	36.4	42.4	21.2
Người đảo Thái bình dương	*	*	*	*	*	*
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	20.9	32.4	46.6	21.8	42.7	35.5
Hoàn cảnh tài chánh khó khăn	48.0	31.6	20.4	28.6	44.9	26.5
Những Người Học Tiếng Anh	35.4	24.4	40.2	20.7	37.8	41.5
Học Sinh Khuyết Tật	*	*	*	*	*	*
Các Học Sinh Đang Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục cho Di Dân*	78.7	17.0	4.3	69.6	26.1	4.3

Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2008-09)

Kỳ Thi Thể Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thể Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
5	0.0	0.0	0.0
7	0.0	0.0	0.0
9	14.6	33.3	39.9

X. Trách Nhiệm

Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 “trường tương tự” giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2006	2007	2008
Trên Toàn Tiểu Bang	9	10	10
Các Trường Tương Tự	4	5	8

Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, và điểm API mới đây nhất. Lưu ý: "KHÔNG ÁP DỤNG" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đồng.

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế			Điểm API Tăng Trường
	2006-07	2007-08	2008-09	2009
Tất Cả Học Sinh trong Trường	9	33	14	868
Người Mỹ gốc Phi Châu				
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska		34	-3	837
Người Á châu	9	25	13	918
Người Phi luật tân				
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	2	35	27	794
Người đảo Thái bình dương				
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	6	34	14	849
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	31	30	14	850
Những Người Học Tiếng Anh				818
Học Sinh Khuyết Tật	11	48	4	616

Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật NCLB của liên bang qui định rằng tất cả các trường và khu học chánh đều phải đạt các chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

- Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
- Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
- API là công cụ chỉ báo bổ sung
- Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2008-09)

Bảng này trình bày chỉ số cho biết trường và khu học chánh đó có đạt AYP tổng quát và trường và khu học chánh đạt được từng chỉ tiêu AYP hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	Yes	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	Yes	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	Yes	Yes
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	Yes	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	Yes	No
API	Yes	Yes
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	Yes	Yes

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2009-10)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi

các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình		In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình		2008-2009
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình		Year 2
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	2
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	22.2

XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

University of California

Các yêu cầu để được nhận vào học tại University of California (UC) tuân theo các hướng dẫn đã được đặt ra trong Kế Hoạch Chủ Yếu, theo đó đòi hỏi học sinh tốt nghiệp trung học của tiểu bang phải ở mức hàng đầu một phần tám số học sinh cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công các bài vở qui định cho đại học, hội đủ điều kiện để được thu nhận vào UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài vở trình độ Đại Học. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>.

California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>.

Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	0.2	0.4	0.5	1.0	1.3	1.6	3.5	4.4	3.9
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	99.0	98.3	98.9	94.9	94.5	94.4	83.4	80.6	80.2

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Học sinh tại các trường công lập California phải đạt cả hai phần ELA và toán của CAHSEE để nhận bằng trung học. Đối với các học sinh bắt đầu niên học 2008-09 ở lớp mười hai trong bảng này được trình bày theo nhóm học sinh số phần trăm những em đáp ứng mọi yêu cầu về tốt nghiệp của tiểu bang và địa phương về việc hoàn tất lớp mười hai.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2009		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Các Học Sinh	701	3285	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Mỹ gốc Phi Châu	6	35	KHÔNG ÁP DỤNG
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	50	266	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Á châu	283	799	KHÔNG ÁP DỤNG
Người Phi luật tân	12	57	KHÔNG ÁP DỤNG
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	78	565	KHÔNG ÁP DỤNG
Người đảo Thái bình dương	7	34	KHÔNG ÁP DỤNG
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	264	1520	KHÔNG ÁP DỤNG
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	60	607	KHÔNG ÁP DỤNG
Những Người Học Tiếng Anh	142	783	KHÔNG ÁP DỤNG
Học Sinh Khuyết Tật	40	204	KHÔNG ÁP DỤNG

Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	5,290
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	98.25%
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	98%

Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán DataQuest của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	73.6
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	67.9

Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về sĩ số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán Computer	1	không áp dụng
Tiếng Anh	2	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn	2	không áp dụng
Ngoại Ngữ	3	không áp dụng
Toán	2	không áp dụng
Khoa Học	4	không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	5	không áp dụng
Tất cả các khóa học	19	8.4

XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Hoặc khu Trung hoặc Huntington Beach nỗ lực nhìn nhận toàn tiểu bang về phẩm chất của giáo viên trình độ khai triển và luôn nỗ lực cao nhất bồi dưỡng giáo viên phó hội với các chuyên gia giáo viên trình độ cao chuyên môn trong lãnh vực của hội. Giáo viên thành tựu phần lớn các khoản của Tiểu bang, nên nghề của giáo viên, nhu cầu của công đồng, và nhu cầu của tất cả học sinh trong khi theo đuổi các mục đích sau trung học.

Ngoài các sinh hoạt ôn trường mà tất cả nhân viên giảng dạy tham dự, phần lớn các giáo viên của trường Fountain Valley tham dự các chương trình huấn luyện và hội tập ôn ngoại trường. Hoặc khu này cũng phải huy động phát triển nhân viên qua hội phó hội với UC Irvine, CSU Long Beach, các hội đồng công đồng và nghiệp vụ huấn luyện giáo viên ôn Huntington Beach. Nhiều nỗ lực nhằm minh bạch tất cả học sinh phải thoát nghiệp vụ với một kiến thức chính yếu vững chắc mà sẽ giúp chúng hội đồng tìm kiếm nâng cao nhất và trở thành các công dân có trách nhiệm.

Tất cả các giáo viên đều tham gia hội Hoả trời và Thẩm định Giáo viên Khó khăn (BTSA).

XIII. Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (National Assessment of Educational Progress - NAEP) là một cuộc đánh giá tiêu biểu trên toàn quốc về những điều mà các học sinh tại Hoa Kỳ biết và có thể làm được trong các lãnh vực khác nhau. Các đánh giá được tiến hành định kỳ về toán, đọc, khoa học, viết, nghệ thuật, công dân, kinh tế, địa lý, và lịch sử Hoa Kỳ. Điểm số của học sinh về đọc và toán được báo cáo theo các cấp độ về thành tích (thí dụ, cơ bản, thành thạo, và cấp cao) và sự tham gia của các học sinh bị khuyết tật (SD) và những người học Tiếng Anh (ELL) được báo cáo dựa trên ba cấp độ (được nhận ra, loại trừ, và đánh giá). Thông tin chi tiết về các kết quả NAEP cho mỗi lớp, cấp độ thành tích, và mức tham gia có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia tại <http://nces.ed.gov/nationsreportcard/>.

Ghi chú: Chỉ có một nhóm làm mẫu các trường và khu học chánh của California tham gia trong chu kỳ thi NAEP. Do đó, học sinh tại bất cứ trường học hoặc khu học chánh cụ thể nào có thể không được kể vào trong các kết quả này. NAEP phản ánh kết quả kỳ thi của tiểu bang và không phản ánh hoặc LEA hoặc trường sở riêng lẻ nào. Sự so sánh thành tích của học sinh trên NAEP và thành tích của học sinh trong các đánh giá của Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) không thể thực hiện nếu không hiểu rõ sự khác biệt chính yếu giữa hai chương trình đánh giá. Thí dụ, NAEP chỉ đánh giá các lớp bốn, tám và mười hai và cho các xu hướng lâu dài đánh giá các lớp chín, mười ba, và mười bảy. Ngoài ra, NAEP chỉ có cung cấp kết quả thi của tiểu bang cho các lớp bốn và tám. Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Tests - CSTs) được dựa trên bộ tiêu chuẩn khác không phải các đánh giá của NAEP. Thí dụ, NAEP không song song với các tiêu chuẩn về nội dung và thành đạt học vấn California và, do đó, không nhất thiết phản ảnh học trình và sự giảng dạy mà học sinh phải theo trong lớp học. NAEP đánh giá tập đọc và viết riêng biệt, trong khi CST đánh giá văn khoa Anh Ngữ (ELA), bao gồm tập đọc cũng như các quy ước về viết, chính tả, và văn phạm. Điểm số trên CST, và các đánh giá khác không thể so sánh trực tiếp với các điểm số trên NAEP. Số trung bình và số phần trăm được trình bày là các ước lượng dựa trên các mẫu học sinh hơn là toàn bộ những người khác. Sau cùng, các câu hỏi mà học sinh trả lời chỉ là một mẫu kiến thức và kỹ năng được nêu trong khuôn khổ của NAEP. Thông tin về các khác biệt giữa NAEP và CST có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (NAEP) của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/nr/>.

Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày các điểm theo thang đo và các mức thành tích trong Các Kết Quả Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Điểm Trung Bình Theo Thang Đo		Số Phần Trăm về Mức Thành Đạt		
	Tiểu Bang	Quốc Gia	Cơ Bản	Thành Thạo	Cấp Cao
Tập Đọc 2007, Lớp 4	209	220	30	18	5
Tập Đọc 2007, Lớp 8	251	261	41	20	2
Toán 2009, Lớp 4	232	239	41	25	5
Toán 2009, Lớp 8	270	282	36	18	5

Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia cho Các Học Sinh Bị Khuyết Tật và/hoặc Những Người Học Tiếng Anh theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày mức tham gia của tiểu bang và quốc gia qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các học sinh bị khuyết tật và/hoặc những người học Tiếng Anh lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Mức Tham Gia của Tiểu Bang		Mức Tham Gia của Quốc Gia	
	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh
Tập Đọc 2007, Lớp 4	74	93	65	80
Tập Đọc 2007, Lớp 8	78	92	66	77
Toán 2009, Lớp 4	79	96	84	94
Toán 2009, Lớp 8	85	96	78	92